TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 12 - 2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: + 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan;

+ 2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Duy P, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: 6A, ấp x, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: 6A, ấp x, xã Đrinh, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: B, ấp x, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bi đơn Nguyễn Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Duy P trình bày:*

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2010. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang vào ngày 29/4/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Hoàng Minh T, sinh năm 2013 và Nguyễn Hoàng Phương L, sinh năm 2019. Anh yêu cầu giao hai con cho chị T nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh P kết hôn năm 2010, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2019 thì có mâu thuẫn do không hiểu nhau. Nay chị không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con.

Về con chung: Nếu phải ly hôn thì chị đồng ý nuôi hai con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P v/v xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Cho anh Nguyễn Duy P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Anh P và chị T có 2 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/9/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 11/4/2013. Giao cháu Linh và cháu Tuyết cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi trưởng thành. Anh P có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P chậm thi hành thì hàng tháng anh P phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thì hành án.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phàn án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 09/3/2021, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, cho vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là có căn cứ, chị T không đồng ý ly hôn, như tại phiên tòa chị cũng thừa nhận vợ chồng đã hai năm không có quan hệ vợ chồng với nhau điều đó chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Duy P có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T. Chị T có hộ khẩu và cư trú tại ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp anh Nguyễn Duy P có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc T đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, cho vợ chồng được đoàn tụ.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị T: Anh P và chị T chung sống với nhau vào năm 2010. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang vào ngày 29/4/2010, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Chị T thừa nhận bản thân không quan tâm chăm sóc cho chồng, để dẫn đến mâu thuẫn anh P khởi kiện yêu cầu ly hôn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...."*. Tại phiên tòa chị T cũng thừa nhận là hai năm nay anh chị đã không còn quan hệ vợ chồng với

nhau. Anh P và chị T chung sống vợ chồng tại nhà riêng do gia đình bên chồng cho, nhưng vì mâu thuẩn vợ chồng mà anh P không còn chung sống vợ chồng với chị T tại căn nhà mà gia đình mình đã cho vợ chồng, bỏ ra bên ngoài thuê nhà sống từ tháng 06/2020 cho đến nay, là một thời gian dài, nhưng chị T không có biện pháp nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng để anh P quây về nhà, tại phiên tòa phúc thẩm chị T thừa nhận hiện nay anh P không có quay lại chung sống, vẫn còn ra ngoài sống riêng.

Xét thấy, mâu thuẩn vợ chồng giữa anh P và chị T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phương là có căn cứ.

Chị T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn sứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Ngọc Phương Trinh.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P v/v xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Cho anh Nguyễn Duy P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Anh P và chị T có 2 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/9/2019 và cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày

11/4/2013. Giao cháu Linh và cháu Tuyết cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi trưởng thành. Anh P có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P chậm thi hành thì hàng tháng anh P phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thì hành án.

2. Về án phí:

- Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002362 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004945 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho,
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền